

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	<b>CỬ NHÂN THỐNG KÊ KINH TẾ</b> (BACHELOR OF ECONOMIC STATISTICS)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION: NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE <b>THỐNG KÊ KINH TẾ</b> (ECONOMIC STATISTICS)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO/CODE:	<b>7310105</b>
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/4 YEARS

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Thống kê kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về thống kê bao gồm thiết kế điều tra, tổng hợp và phân tích dữ liệu phục vụ quá trình ra quyết định trong kinh tế, tài chính, quản lý và quản trị kinh doanh ở cấp vĩ mô và vi mô; có khả năng tư duy độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Cử nhân Thống kê kinh tế làm việc ở các cơ quan sau:

- + Các phòng kinh doanh, bộ phận phân tích dữ liệu và dự báo trong các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính
- + Các công ty, tổ chức tư vấn và nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế
- + Các dự án, tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế
- + Các cơ quan thống kê nhà nước, bộ ngành, các đơn vị phân tích chính sách

+ Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các viện nghiên cứu.

**- Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt trình độ về ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR	Mô tả	Mã CĐR
<b>Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>	Sinh viên có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lĩnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; Sinh viên hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học các môn học khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.	CĐR1
	Sinh viên có hiểu biết về hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh; Sinh viên có kiến thức cơ bản về toán, tin học.	CĐR2
	Sinh viên nắm vững các kiến thức chuyên sâu về thống kê bao gồm: tổ chức hệ thống thông tin thống kê; các kiến thức về quá trình thu thập dữ liệu; các phương pháp mô tả, phân tích, và dự báo thống kê. Sinh viên nắm vững các tình huống vận dụng các mô hình phân tích thống kê trong các tổ chức kinh tế, tài chính và doanh nghiệp.	CĐR3
<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	Sinh viên có kỹ năng thu thập dữ liệu thống kê; xây dựng và tính toán hệ thống chỉ tiêu thống kê; sử dụng các công cụ và phần mềm thống kê để thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu và dự báo thống kê phục vụ cho việc quản lý và hoạch định chính sách kinh tế xã hội ở các ngành, các cấp khác nhau; Sinh viên có kỹ năng phân tích định tính và định lượng, sử dụng các mô hình thống kê trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và kinh doanh ở cấp vĩ mô và vi mô; Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn.	CĐR4
	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực thi các mảng hoạt động được giao; Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng; Sinh viên có đủ sức khỏe và có những kiến thức cơ bản về	CĐR5

<b>CĐR</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mã CĐR</b>
	giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng theo yêu cầu của Thông tư 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
<b>CĐR Tin học</b>	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	<b>CĐR6</b>
<b>CĐR Ngoại ngữ</b>	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	<b>CĐR7</b>
<b>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>	Cử nhân Thống kê kinh tế có đạo đức, trung thực, bản lĩnh, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc.	<b>CĐR8</b>
	Có trách nhiệm nghề nghiệp và năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về thống kê trong kinh tế, quản lý và kinh doanh; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.	<b>CĐR9</b>

### **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ**

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

### **7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

### 7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>15</b>	05 học phần chung của nhóm ngành
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>42</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	27	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 HP)
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b>	<b>18</b>	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 HP)
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>129</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC

### 7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Thống kê)		Mã HP/BM	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>129</b>		
	<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>44</b>		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			<b>20</b>		
<b>1</b>	1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	I	
<b>2</b>	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	II	
<b>3</b>	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
<b>4</b>	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	IV	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Thống kê)		Mã HP/BM	SỐ TC	HỌC KỲ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
5	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	V	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I, II, III	
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4		
		Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP	8- 11		
		<b>1.2. Các học phần bắt buộc của Trường</b>		<b>12</b>		
7	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
8	2	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
9	3	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
10	4	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		<b>1.3. Các học phần bắt buộc của ngành</b>		<b>12</b>		
11	1	Lý thuyết xác suất Probability Theory	TOKT1105	3	I	
12	2	Lý thuyết thống kê 1 Theory of Statistics 1	TKKD1101	3	II	TOKT1105
13	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	KHMI1101
14	4	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	KHMI1101
		<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>85</b>		
		<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>15</b>		
15	1	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	III	
16	2	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	IV	
17	3	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	V	
18	4	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	IV	
19	5	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	IV	
		<b>2.2. Kiến thức ngành</b>		<b>42</b>		
		<b>2.2.1. Các học phần bắt buộc</b>		<b>27</b>		
20	1	Cơ sở dữ liệu Databases	TIKT1130	3	II	
21	2	Lý thuyết thống kê 2 Theory of Statistics 2	TKKD1102	3	III	TKKD1101
22	3	Tin học ứng dụng trong Thống kê Applied Infomatics for Statistics	TKKD1106	3	IV	TKKD1102

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Thống kê)		Mã HP/BM	SỐ TC	HỌC KỲ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
23	4	Lý thuyết thống kê 3 Theory of Statistics 3	TKKD1130	3	V	TKKD1102
24	5	Thống kê kinh tế Economic Statistics	TKKT1110	3	IV	TKKD1102
25	6	Hệ thống tài khoản quốc gia System of National Accounts	TKKT1101	3	V	TKKT1110
26	7	Điều tra xã hội học Surveys in social research	TKKT1103	3	III	TKKD1101
27	8	Tiếng Anh ngành Thống kê kinh tế English for Economic Statistics	TKKT1126	3	V	TKKD1101
28	9	Phân tích dữ liệu Data analysis	TKKT1124	3	VI	TKKD1102
		<b>2.2.2. Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp sau)		<b>15</b>		
29 30 31 32 33	1	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI1102	3	IV	KHMI1101
	2	Kinh tế vĩ mô 2 Macroeconomics 2	KHMA1102	3	IV	KHMA1101
	3	Đại số Algebra	TOCB1101	3	III	
	4	Kinh tế lượng 2 Econometrics 2	TOKT1128	3	V	TOKT1105
	5	Cơ sở lập trình Basic Programing	CNTT1128	3	III	
	6	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính Time series analysis in finance	TOKT1124	3	VI	TOKT1105
	7	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	V	
	8	Phân tích dữ liệu lớn Big data analysis	TKKD1127	3	VI	TKKD1102
		<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b> (SV tự chọn 06 học phần trong tổ hợp sau)		<b>18</b>		
34 35 36 37 38 39	1	Thống kê dân số Demographic Statistics	TKKT1113	3	VII	TKKD1102
	2	Thống kê doanh nghiệp Statistics in Enterprises	TKKD1116	3	VI	TKKD1102
	3	Thống kê trong nghiên cứu thị trường Statistics in Marketing Research	TKKD1117	3	VI	TKKD1101
	4	Thống kê du lịch Statistics for Tourism	TKKD1128	3	VII	TKKD1102
	5	Thống kê chất lượng Statistic in Quality Management	TKKD1112	3	VII	TKKD1102
	6	Thống kê môi trường Environmental Statistics	TKKT1115	3	VI	TKKD1102
	7	Những nguyên lý cơ bản của khai phá dữ liệu Principles of data mining	TKKD1121	3	VIII	TKKD1102
	8	Thống kê lao động Labor Statistics	TKKT1111	3	VII	TKKD1102
	9	Thống kê đầu tư và xây dựng Statistics in Investment and	TKKD1115	3	VI	TKKD1102

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Thống kê)		Mã HP/BM	SỐ TC	HỌC KỲ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
		Construction				
	10	Thống kê thương mại Statistic in Commerce	TKKT1118	3	VIII	TKKD1102
	11	Thống kê xã hội Social Statistics	TKKT1119	3	VII	TKKD1102
	12	Thống kê bảo hiểm Insurance Statistics	TKKD1118	3	VII	TKKD1102
40		<b>Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>Graduation Thesis</i>	TKKT1128	10	VIII	

## 8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Trần Thị Bích**

**PGS.TS Phạm Hồng Chương**